

Bản án số: 202/2020/DS-ST

Ngày: 10/7/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Khê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Ông Hoàng Mạnh Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu 8 - 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Lầu 8 - 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: bà Phan Thị Kim T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 2/3H đường 106, tổ 7, khu phố 1, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn B trình bày:

Ngày 24/04/2013, bà Phan Thị Kim T có ký với Ngân hàng TMCP S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa; số thẻ: 472074 – 4724; lãi suất: 2,15%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà T đã thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền là 67.056.060 đồng. Đồng thời, Bà T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.424.258 đồng. Sau đó bà T không thanh toán nữa.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/01/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 24.902.299 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bà T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 10/07/2020 là 78.656.459 đồng trong đó nợ gốc: 24.902.299 đồng, nợ lãi: 53.754.160; Lãi suất áp dụng: 3.225% (2.15% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên Bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Skính đề nghị Tòa án buộc bà Phan Thị Kim T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2020 là 78.656.459 (Bảy mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 24.902.299 đồng; Lãi quá hạn: 53.754.160 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/07/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn bà Phan Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu quan điểm về vụ án như sau: Về tố tụng, Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về thời hạn tố tụng, Tòa án vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng xác định bà Phan Thị Kim T còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2020 là 78.656.459 (bảy mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TMCP S và bà Phan Thị Kim T thỏa thuận với nhau về việc Ngân hàng TMCP S cho bà Phan Thị Kim T vay tiền. Hết thời hạn trả nợ, bà Phan Thị Kim T không trả nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim T trả số tiền đã vay nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Phiếu yêu cầu xác minh số 364/TAQ9 ngày 03/5/2017 xác định: bị đơn bà Phan Thị Kim T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 2/3H Đường 106, tổ 7, Khu phố 1, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời cũng là địa chỉ bà Phan Thị Kim T thể hiện trên hợp đồng giữa bà và Ngân hàng TMCP S Sài Gòn Thương Tín. Vì vậy, căn cứ Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Phan Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giao các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà Phan Thị Kim T vắng mặt nên căn cứ điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim T trả số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2020 là 78.656.459 (Bảy mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

và khoản lãi phát sinh từ ngày 11/07/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vay tiền giữa Ngân hàng TMCP S và bà Phan Thị Kim T được lập thành văn bản (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định bà Phan Thị Kim T còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2020 là 78.656.459 (Bảy mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi chín) đồng nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 và điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Phan Thị Kim T.

Buộc bà Phan Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2020 là 78.656.459 (bảy mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi chín) đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị Kim T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại hợp đồng tín dụng giữa các bên.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.932.823 (ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn tám trăm hai mươi ba) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 766.446 (bảy trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0006537 ngày 03/9/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSNDQ9;
- THADSQ9
- Đường sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Khê